TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 26 - 3 - 2024
V/v tranh chấp chia
tài sản sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Cẩm Đào

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Phương

Bà Hoàng Thị Hải Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thuý An, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 03/2024/TLPT-DS ngày 29 tháng 01 năm 2024 về việc tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 397/2023/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐ-PT ngày 20 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hồng C, sinh năm 1992. (Có mặt)

Cư trú: Ấp K, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh Hà Minh Đ, sinh năm 1980.

Cư trú: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của anh Hà Minh Đ: Anh Nguyễn Việt T, sinh năm 1976; Cư trú: Đường D1, Khu Đô thị B, ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam; Địa chỉ: Số 02, đường Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng: Ông Sơn Vĩnh Phú; Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Sông Đốc – Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Ông Hà Minh U, sinh năm 1962; Cư trú: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau (Nay là ấp T1, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau).

- Bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1958; Cư trú: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Ông Võ Văn T, sinh năm 1964; Cư trú: Ấp R, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Ông Huỳnh Thành S, sinh năm 1944; Cư trú: Ấp T1, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Anh Hà Minh Đ, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/4/2023 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Hồng C trình bày:

* Về hôn nhân: Chị và anh Hà Minh Đ là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau đó, đã được giải quyết ly hôn bằng Bản án số: 42/2023/HNGĐ-ST ngày 28/02/2023 của TAND huyện T.

* Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng đã tạo lập được các tài sản chung sau:

- Phần đất tọa lạc tại ấp R, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau: Vào năm 2016, vợ chồng đã nhận chuyển nhượng của ông Hà Phong Phú (Bác ruột anh Hà Minh Đ) phần đất 6,5 công tầm lớn, loại đất nuôi trồng thủy sản, tọa lạc tại ấp R, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau, với giá 230.000.000 đồng. Chị thống nhất với kết quả đo đạc của Công ty TNHH Phát triển Xanh Việt Nam, theo đó phần đất có diện tích 8.612m^2 và kết quả định giá của Công ty TNHH Thẩm định giá Thịnh Việt, theo đó phần đất có giá trị 663.456.000 đồng. Phần đất hiện nay do anh Đ trực tiếp quản lý, sử dụng nên chị yêu cầu giao phần đất cho anh Đ tiếp tục quản lý, sử dụng; anh Đ có trách nhiệm trả cho chị ½ giá trị tài sản chung bằng số tiền 331.728.000 đồng.

- Một căn nhà cất trên phần đất tọa lạc tại ấp R, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau: Vào năm 2018, vợ chồng có cất một căn nhà cây gỗ địa phương, vách và mái lợp tôn lạnh, nền ván, diện tích ngang 09 mét và dài 15 mét, tiền cất nhà là 150.000.000 đồng. Do không định giá căn nhà được nên chị đồng ý với giá trị mà anh Đ xác định khi Toà án hoà giải ngày 23/5/2023 là 30.000.000 đồng. Căn nhà hiện nay do anh Đ trực tiếp quản lý, sử dụng nên chị yêu cầu giao căn nhà cho anh Đ tiếp tục quản lý, sử dụng; anh Đ có trách nhiệm trả cho chị ½ giá trị tài sản chung bằng số tiền 15.000.000 đồng.

- Vàng cố phần đất ở ấp R, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau của ông Võ Văn T: Vào ngày 23/01/2015, vợ chồng có nhận cố của ông Võ Văn T phần đất 12 công

tầm lớn, với giá 30 chỉ vàng 24K, sau khi cố thì vợ chồng cho ông T thuê lại với giá 18.000.000 đồng/năm. Hiện nay ông T vẫn chưa chuộc lại phần đất cố. Chị không yêu cầu Toà án giải quyết hợp đồng cố đất với ông T trong vụ án này. Do anh Đ là người trực tiếp nhận tiền thuê đất hàng năm, có điều kiện để tiếp tục thực hiện việc cố đất với ông T nên chị yêu cầu giao cho anh Đ tiếp tục thực hiện việc cố đất với ông T; anh Đ có trách nhiệm giao cho chị ½ tài sản chung là 15 chỉ vàng 24K.

- Vàng 18K: Vào năm 2013, vợ chồng có mua 10 chỉ vàng 18K (01 dây chuyền trọng lượng 05 chỉ và 01 nhẫn kiểu trọng lượng 05 chỉ). Các trang sức hiện do anh Đ trực tiếp quản lý, sử dụng (Anh Đ trực tiếp đeo số trang sức này) nên chị yêu cầu giao cho anh Đ tiếp tục quản lý, sử dụng; anh Đ có trách nhiệm giao cho chị ½ tài sản chung là 05 chỉ vàng 18K.

- Một xe gắn máy Honda hiệu Airblack màu xám: Vào năm 2021, vợ chồng có mua một xe gắn máy Honda hiệu Airblack màu xám, với giá 52.000.000 đồng, theo hình thức trả góp hàng tháng. Chị và anh Đ thống nhất xác định giá trị xe còn lại 30.000.000 đồng. Xe hiện do anh Đ trực tiếp quản lý, sử dụng nên chị yêu cầu giao cho anh Đ tiếp tục quản lý, sử dụng; anh Đ có trách nhiệm trả cho chị ½ giá trị tài sản chung bằng số tiền 15.000.000 đồng.

- Các vật dụng trong gia đình bao gồm:

Một võ lãi Compucix và máy hiệu Honda 13W: Vào năm 2020, vợ chồng mua một võ lãi Compucix và máy hiệu Honda 13W với giá 40.000.000 đồng. Do không định giá tài sản được nên chị đồng ý với giá trị mà anh Đ xác định khi Toà án hoà giải ngày 23/5/2023 là 10.000.000 đồng. Tài sản hiện do anh Đ trực tiếp quản lý, sử dụng nên chị yêu cầu giao cho anh Đ tiếp tục quản lý, sử dụng; anh Đ có trách nhiệm trả cho chị ½ giá trị tài sản chung bằng số tiền 5.000.000 đồng.

Một tivi 31 inch: Vào năm 2019, vợ chồng mua một tivi 31 inch (Không nhớ giá bao nhiêu). Chị và anh Đ thống nhất xác định giá trị tài sản còn lại 3.000.000 đồng. Tài sản hiện do anh Đ trực tiếp quản lý, sử dụng nên chị yêu cầu giao cho anh Đ tiếp tục quản lý, sử dụng; anh Đ có trách nhiệm trả cho chị ½ giá trị tài sản chung bằng số tiền 1.500.000 đồng.

Một máy lạnh hiệu Toshiba 1HP*:* Vào năm 2019, vợ chồng mua một máy lạnh hiệu Toshiba 1HP (Không nhớ giá bao nhiêu). Do không định giá tài sản được nên chị đồng ý với giá trị mà anh Đ xác định khi Toà án hoà giải ngày 23/5/2023 là 2.000.000 đồng. Tài sản hiện do anh Đ trực tiếp quản lý, sử dụng nên chị yêu cầu giao cho anh Đ tiếp tục quản lý, sử dụng; anh Đ có trách nhiệm trả cho chị ½ giá trị tài sản chung bằng số tiền 1.000.000 đồng.

Một tủ lạnh hiệu Sanaki: Vào năm 2017, vợ chồng mua một tủ lạnh hiệu Sanaki (Không nhớ giá bao nhiêu). Chị và anh Đ thống nhất xác định giá trị tài sản còn lại 4.000.000 đồng. Tài sản hiện do anh Đ trực tiếp quản lý, sử dụng nên chị

yêu cầu giao cho anh Đ tiếp tục quản lý, sử dụng; anh Đ có trách nhiệm trả cho chị ½ giá trị tài sản chung bằng số tiền 2.000.000 đồng.

Một máy lọc nước (Không nhớ hiệu): Vào năm 2018, vợ chồng mua một máy lọc nước (Không nhớ giá bao nhiêu). Do không định giá tài sản được nên chị đồng ý với giá trị mà anh Đ xác định khi Toà án hoà giải ngày 23/5/2023 là 1.000.000 đồng. Tài sản hiện do anh Đ trực tiếp quản lý, sử dụng nên chị yêu cầu giao cho anh Đ tiếp tục quản lý, sử dụng; anh Đ có trách nhiệm trả cho chị ½ giá trị tài sản chung bằng số tiền 500.000 đồng.

Một bộ salon gỗ: Vào năm 2015, vợ chồng mua một bộ salon gỗ (Không nhớ giá bao nhiêu). Do không định giá tài sản được nên chị đồng ý với giá trị mà anh Đ xác định khi Toà án hoà giải ngày 23/5/2023 là 7.000.000 đồng. Tài sản hiện do anh Đ trực tiếp quản lý, sử dụng nên chị yêu cầu giao cho anh Đ tiếp tục quản lý, sử dụng; anh Đ có trách nhiệm trả cho chị ½ giá trị tài sản chung bằng số tiền 3.500.000 đồng.

***** Về nợ chung:

- Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam: Vào năm 2016, vợ chồng có vay tín dụng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Phòng giao dịch Sông Đốc số tiền 157.000.000 đồng. Sau đó, ngày 06/02/2020 đôi bên ký lại hợp đồng tín dụng mới cũng với số tiền vay 157.000.000 đồng. Để bảo đảm cho khoản vay, vợ chồng đã thế chấp quyền sử dụng đất số C149142 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 21/3/1994, thửa đất số 247, 248, 249 – tờ bản đồ số 14, diện tích 15.350m^2, đất tọa lạc tại ấp Rẫy Mới, xã Phong Lạc, huyện T, tỉnh Minh Hải (Nay là ấp R, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau), đến nay chưa giải chấp.

Tính đến ngày 25/10/2023, vợ chồng nợ Ngân hàng tổng số tiền 179.826.723 đồng (Trong đó, nợ gốc là 157.000.000 đồng và nợ lãi là 22.826.723 đồng). Chị đồng ý cùng anh Đ trả nợ cho Ngân hàng. Theo đó, chị và anh Đ mỗi người có trách nhiệm trả cho Ngân hàng ½ số nợ là 89.913.361 đồng.

- Nợ ông Hà Minh U: Vào năm 2020, vợ chồng có mượn của ông Út 10 chỉ vàng 24K, việc mượn chỉ nói miệng, không có giấy tờ. Chị đồng ý cùng anh Đ trả nợ cho ông Út. Theo đó, chị và anh Đ mỗi người có trách nhiệm trả cho ông Út ½ số nợ là 05 chỉ vàng 24K.

- Nợ bà Huỳnh Thị P: Vào năm 2016, vợ chồng có mượn của bà P 05 chỉ vàng 24K, việc mượn chỉ nói miệng, không có giấy tờ. Chị đồng ý cùng anh Đ trả nợ cho bà P. Theo đó, chị và anh Đ mỗi người có trách nhiệm trả cho bà P ½ số nợ là 2,5 chỉ vàng 24K.

Bị đơn anh Hà Minh Đ trình bày:

***** Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Hồng C.

* Về tài sản chung: Anh xác định trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng đã tạo lập được các tài sản chung sau:

- Một căn nhà cất trên phần đất tọa lạc tại ấp R, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau: Vào năm 2018, vợ chồng có cất một căn nhà cây gỗ địa phương, vách và mái lợp tôn lạnh, nền ván, diện tích ngang 09 mét và dài 15 mét, tiền cất nhà là 150.000.000 đồng. Anh và chị C thống nhất xác định giá trị căn nhà còn 30.000.000 đồng. Căn nhà hiện nay do anh trực tiếp quản lý, sử dụng nên anh đồng ý nhận căn nhà để quản lý, sử dụng và đồng ý giao cho chị C ½ giá trị căn nhà số tiền 15.000.000 đồng.

- Vàng 18K: Vào năm 2018, vợ chồng có mua 02 món trang sức gồm 01 dây chuyền trọng lượng 03 chỉ vàng 18K và 01 nhẫn kiểu trọng lượng 02 chỉ vàng 18K. Tổng trọng lượng 02 món trang sức là 05 chỉ, không phải 10 chỉ như chị C trình bày. Trong thời gian chung sống, vợ chồng đã bán số vàng này để chi tiêu trong gia đình nên hiện nay tài sản này không còn, do đó anh không đồng ý chia theo yêu cầu của chị C. Anh xác định 02 món trang sức anh trực tiếp quản lý, sử dụng (Anh trực tiếp đeo) là tài sản riêng của anh, anh không yêu cầu và không đồng ý xem xét trọng lượng 02 món trang sức anh quản lý, sử dụng.

- Các vật dụng trong gia đình bao gồm:

Một võ lãi Compucix và máy hiệu Honda 13W: Vào năm 2020, vợ chồng mua tài sản với giá 18.000.000 đồng. Anh thống nhất giá trị tài sản hiện còn 10.000.000 đồng. Tài sản hiện nay do anh trực tiếp quản lý, sử dụng nhưng chị C có nhu cầu sử dụng thì anh đồng ý giao cho chị C quản lý, sử dụng.

Một tivi 31 inch: Vào năm 2019, vợ chồng mua tài sản này. Anh thống nhất giá trị tài sản hiện còn 3.000.000 đồng. Tài sản hiện nay do anh trực tiếp quản lý, sử dụng nhưng chị C có nhu cầu sử dụng thì anh đồng ý giao cho chị C quản lý, sử dụng.

Một máy lạnh hiệu Toshiba 1HP: Vào năm 2019, vợ chồng mua tài sản này. Anh thống nhất giá trị tài sản hiện còn 2.000.000 đồng. Tài sản hiện nay do anh trực tiếp quản lý, sử dụng nhưng chị C có nhu cầu sử dụng thì anh đồng ý giao cho chị C quản lý, sử dụng.

Một tủ lạnh hiệu Sanaki: Vào năm 2017, vợ chồng mua tài sản này. Anh thống nhất giá trị tài sản hiện còn 4.000.000 đồng. Tài sản hiện nay do anh trực tiếp quản lý, sử dụng nhưng chị C có nhu cầu sử dụng thì anh đồng ý giao cho chị C quản lý, sử dụng.

Một máy lọc nước (Không nhớ hiệu): Vào năm 2018, vợ chồng mua tài sản này. Anh thống nhất giá trị tài sản hiện còn 1.000.000 đồng. Tài sản hiện nay do anh trực tiếp quản lý, sử dụng nhưng chị C có nhu cầu sử dụng thì anh đồng ý giao cho chị C quản lý, sử dụng.

Một bộ salon gỗ: Vào năm 2015, vợ chồng mua tài sản này. Anh thống nhất giá trị tài sản hiện còn 7.000.000 đồng. Tài sản hiện nay do anh trực tiếp quản lý, sử dụng nhưng chị C có nhu cầu sử dụng thì anh đồng ý giao cho chị C quản lý, sử dụng.

* Về tài sản riêng: Anh xác định các tài sản sau là tài sản riêng của anh, không phải tài sản chung của anh và chị C:

- Phần đất tọa lạc tại ấp R, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau:

Vào năm 2016, anh có nhận chuyển nhượng của ông Hà Phong Phú (Bác ruột anh) phần đất 6,5 công tầm lớn, loại đất nuôi trồng thủy sản, tọa lạc tại ấp R, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau, với giá 230.000.000 đồng. Cùng năm 2016, anh được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với phần đất.

Phần đất là tài sản riêng của anh do tiền chuyển nhượng đất là tiền riêng của anh. Cụ thể, anh được cha là ông Hà Minh U cho số tiền 120.000.000 đồng, anh xuất thêm số tiền 110.000.000 đồng để chuyển nhượng đất. Do phần đất là tài sản riêng của anh nên anh không đồng ý chia theo yêu cầu của chị C.

Phần đất hiện đang là tài sản thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Phòng giao dịch Sông Đốc.

- 30 chỉ vàng 24K cầm cố quyền sử dụng đất của ông Võ Văn T: Vào ngày 23/01/2015, anh có nhận cầm cố của ông Võ Văn T phần đất 12 công tầm lớn, toạ lạc tại ấp R, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau, với giá 30 chỉ vàng 24K. Sau khi cầm cố, anh cho ông T thuê lại với giá 18.000.000 đồng/năm. Anh không yêu cầu Toà án giải quyết hợp đồng cố đất với ông T trong vụ án này. Anh xác định 30 chỉ vàng 24K là tài sản riêng của anh do có trước khi kết hôn với chị C nên anh không đồng ý chia theo yêu cầu của chị C.

- Một xe gắn máy Honda hiệu Airblack màu xám: Anh mua tài sản này vào năm 2021, sau khi chị C bỏ nhà đi, với giá 48.000.000 đồng, theo hình thức trả góp hàng tháng. Xe hiện nay do anh quản lý, sử dụng. Anh xác định xe là tài sản riêng của anh do anh tự ký kết hợp đồng mua bán và tự trả góp tiền mua xe hàng tháng nên không đồng ý chia theo yêu cầu của chị C.

* Về nợ chung:

- Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam: Vào năm 2016, vợ chồng có vay tín dụng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Phòng giao dịch Sông Đốc số tiền 157.000.000 đồng. Sau đó, ngày 06/02/2020 đôi bên ký lại hợp đồng tín dụng mới cũng với số tiền vay 157.000.000 đồng. Để bảo đảm cho khoản vay, vợ chồng đã thế chấp quyền sử dụng đất số C149142 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 21/3/1994, thửa đất số 247, 248, 249 – tờ bản đồ số 14, diện tích 15.350m^2, đất tọa lạc tại ấp Rẩy Mới, xã

Phong Lạc, huyện T, tỉnh Minh Hải (Nay là ấp R, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau), đến nay chưa giải chấp.

Tính đến ngày 25/10/2023, vợ chồng nợ Ngân hàng tổng số tiền 179.826.723 đồng (Trong đó, nợ gốc là 157.000.000 đồng và nợ lãi là 22.826.723 đồng). Anh đồng ý cùng chị C trả nợ cho Ngân hàng. Theo đó, mỗi người có trách nhiệm trả cho Ngân hàng ½ số nợ là 89.913.361 đồng.

- Nợ ông Hà Minh U: Vào năm 2020, vợ chồng có mượn của ông Út 10 chỉ vàng 24K, việc mượn chỉ nói miệng, không có giấy tờ. Anh đồng ý cùng chị C trả nợ cho ông Út. Theo đó, mỗi người có trách nhiệm trả cho ông Út ½ số nợ là 05 chỉ vàng 24K.

- Nợ bà Huỳnh Thị P: Vào năm 2016, vợ chồng có mượn của bà P 05 chỉ vàng 24K, việc mượn chỉ nói miệng, không có giấy tờ. Anh đồng ý cùng chị C trả nợ cho bà P. Theo đó, mỗi người có trách nhiệm trả cho bà P ½ số nợ là 2,5 chỉ vàng 24K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Minh U trình bày:

- Vào năm 2020, ông có cho vợ chồng anh Hà Minh Đ và chị Nguyễn Hồng C mượn 10 chỉ vàng 24K, việc mượn chỉ nói miệng, không có giấy tờ. Ông xác định sẽ tự thoả thuận với anh Đ và chị C, không yêu cầu Toà án giải quyết trong vụ án này. Trường hợp anh Đ và chị C không trả nợ cho ông, ông sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

- Ông xác định vào khoảng năm 2015 ông có cho anh Đ số tiền 120.000.000 đồng, còn anh Đ sử dụng số tiền này vào việc gì thì ông không biết.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bao gồm Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, ông Võ Văn T, ông Huỳnh Thành S: Tòa án đã triệu tập hợp lệ Ngân hàng, ông T, ông Sang để tham dự phiên tòa nhưng Ngân hàng, ông T, ông Sang không có mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của Ngân hàng, ông T, ông Sang về nội dung khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Hồng C.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị P: Bà P có đơn xin xét xử vắng mặt nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bà P.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 397/2023/DS-ST ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T Quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Hồng C về việc chia tài sản sau khi ly hôn. Chia cho anh Hà Minh Đ các tài sản bao gồm:

- Diện tích đất 8.612m^2, tọa lạc tại ấp R, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau (Trong đó, bao gồm 1.302,9m^2 đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm, 7.309,1m^2 đất nuôi trồng thủy sản). Mốc M1-M2 bằng 31.15m, M2-M3 bằng 40.17m, M3-M4 bằng 208.34m, M4-M5 bằng 37.81m, M5-M6 bằng 209.68m, M6-M1 bằng

42.31m (Thửa 1, 2 Trích đo hiện trạng ngày 11/9/2023 của Công ty TNHH Phát triển Xanh Việt Nam). Diện tích đất thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C149142 do Uỷ ban nhân dân huyện T cấp cho ông Hà Phong Phú vào ngày 21/3/1994, chỉnh lý biến động cho anh Hà Minh Đ vào ngày 15/8/2016. *Kèm theo Trích đo hiện trạng ngày 11/9/2023 của Công ty TNHH Phát triển Xanh Việt Nam.*

- Một nhà tiền chế gắn liền với diện tích đất 8.612m^2, tọa lạc tại ấp R, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau (Kết cấu: Sườn cây gỗ địa phương, vách và mái lợp tôn lạnh, nền ván).

- 15 (Mười lăm) chỉ vàng 24K.

- 05 (Năm) chỉ vàng 18K.

- 01 (Một) xe gắn máy Honda hiệu Airblack màu xám.

- 01 (Một) võ lãi Compucix và máy hiệu Honda 13W.

- 01 (Một) tivi 31 inch.

- 01 (Một) máy lạnh hiệu Toshiba 1HP.

- 01 (Một) tủ lạnh hiệu Sanaki.

- 01 (Một) máy lọc nước.

- 01 (Một) bộ salon gỗ.

Anh Hà Minh Đ phải thanh toán và giao cho chị Nguyễn Hồng C số tiền 375.228.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm triệu hai trăm hai mươi tám nghìn đồng); 15 (Mười lăm) chỉ vàng 24K; 05 (Năm) chỉ vàng 18K.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập về tín dụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị P.

Buộc chị Nguyễn Hồng C trả cho bà Huỳnh Thị P 2,5 chỉ vàng 24K. Buộc anh Hà Minh Đ trả cho bà Huỳnh Thị P 2,5 chỉ vàng 24K.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 02/01/2024, anh Hà Minh Đ có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của chị C về việc chia đôi giá trị tài sản chung là phần đất diện tích 8.612m^2 và 15 chỉ vàng 24k vì đây là tài sản riêng của anh Đ.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, phần đất diện tích 8.612m^2 và 30 chỉ vàng 24k là tài sản riêng của anh Đ nên không đồng ý chia đôi giá trị cho chị C.

Chị Nguyễn Hồng C trình bày: Chị không đồng ý kháng cáo của anh Đ, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh Hà Minh Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Hồng C khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn, anh Hà Minh Đ không đồng ý. Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của chị C nên anh Đ kháng cáo.

[2] Xét kháng cáo của anh Đ, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Chị C và anh Đ chung sống với nhau từ năm 2013, đến năm 2020 thì đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Năm 2023 thì được giải quyết ly hôn tại Bản án số: 42/2023/HNGĐ-ST ngày 28/02/2023 của Toà án nhân dân huyện T là thực tế, các đương sự đều thừa nhận.

[2.2] Nguyên đơn chị C yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân đối với các tài sản: Phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế 8.612m^2, tọa lạc tại ấp R, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau; một căn nhà tiền chế cất trên diện tích đất nêu trên; 30 chỉ vàng 24K; 10 chỉ vàng 18K; một xe gắn máy Honda hiệu Airblack màu xám; một võ lãi Compucix và máy hiệu Honda 13W; một tivi 31 inch; một máy lạnh hiệu Toshiba 1HP; một tủ lạnh hiệu Sanaki; 01 máy lọc nước; một bộ salon gỗ.

Bị đơn anh Đ chỉ thừa nhận và đồng ý chia tài sản chung đối với phần tài sản bao gồm: Một căn nhà tiền chế tọa lạc tại ấp R, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau; 05 chỉ vàng 18K; một xe gắn máy Honda hiệu Airblack màu xám; một võ lãi Compucix và máy hiệu Honda 13W; một tivi 31 inch; một máy lạnh hiệu Toshiba 1HP; một tủ lạnh hiệu Sanaki; 01 máy lọc nước; một bộ salon gỗ.

Riêng đối với các tài sản bao gồm: Phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 8.612m^2, tọa lạc tại ấp R, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau và 30 chỉ vàng 24K là tài sản riêng của anh Đ nên anh Đ không đồng ý chia theo yêu cầu của chị C.

[2.3] Xét thấy, trong thời gian chung sống, anh Đ và chị C đã mua sắm một số tài sản trong gia đình như năm 2015 mua bộ salon gỗ, năm 2016 mua tủ lạnh, năm 2017 mua máy lọc nước, năm 2019 mua máy lạnh… và cất nhà ở chung, anh chị thừa nhận đây là tài sản chung của anh chị. Do đó, khi anh chị đăng ký kết hôn thì tài sản trên trở thành tài sản chung của vợ chồng.

[2.4] Anh Đ cho rằng phần đất diện tích 8.612m^2, tọa lạc tại ấp R, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau và 30 chỉ vàng 24k cố phần đất của ông Võ Văn T là tài sản riêng của anh Đ. Tuy nhiên, ngoài lời trình bày thì anh Đ không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh đây là tài sản riêng, trong khi hai tài sản nêu trên cùng được hình thành trong giai đoạn anh Đ và chị C sống chung. Chị C xác định khi thực hiện giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Phú, cũng như cầm cố phần đất của ông T thì chị C là người giao tiền vì trong gia đình chị là người giữ tiền. Mặc dù chị C không đứng tên trong các giao dịch đối với hai tài sản trên nhưng khi cầm cố đất của ông Võ Văn T thì ông T biết rõ đây là vàng chung của chị C và anh Đ.

[2.5] Người đại diện theo uỷ quyền của anh Đ xác định phần đất trên là tài sản riêng của anh Đ nên khi vay tiền Ngân hàng không buộc chị C ký tên. Chị C xác định việc vay Ngân hàng là vào thời điểm chị và anh Đ chưa đăng ký kết hôn, tuy nhiên, chị xác định đây là nợ chung của chị và anh Đ và đồng ý chia đôi khoản nợ với anh Đ khi Ngân hàng có yêu cầu. Do đó, khi Ngân hàng khởi kiện thì chị C và anh Đ cùng có trách nhiệm thanh toán khoản nợ trên là phù hợp.

[3] Từ nhận định trên, án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Hồng C là có căn cứ. Anh Hà Minh Đ kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho kháng cáo của mình, do đó, không chấp nhận kháng cáo của anh Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: anh Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Hà Minh Đ.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 397/2023/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Hồng C về việc chia tài sản sau khi ly hôn.

Chia cho anh Hà Minh Đ các tài sản bao gồm:

- Diện tích đất 8.612m^2, tọa lạc tại ấp R, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau (Trong đó, bao gồm 1.302,9m^2 đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm, 7.309,1m^2 đất nuôi trồng thủy sản). Mốc M1-M2 bằng 31.15m, M2-M3 bằng 40.17m, M3-M4 bằng 208.34m, M4-M5 bằng 37.81m, M5-M6 bằng 209.68m, M6-M1 bằng 42.31m (Thửa 1, 2 Trích đo hiện trạng ngày 11/9/2023 của Công ty TNHH Phát triển Xanh Việt Nam). Diện tích đất thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C149142 do Uỷ ban nhân dân huyện T cấp cho ông Hà Phong Phú vào ngày 21/3/1994, chỉnh lý biến động cho anh Hà Minh Đ vào ngày 15/8/2016. *Kèm theo Trích đo hiện trạng ngày 11/9/2023 của Công ty TNHH Phát triển Xanh Việt Nam.*

- Một nhà tiền chế gắn liền với diện tích đất 8.612m^2, tọa lạc tại ấp R, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau (Kết cấu: Sườn cây gỗ địa phương, vách và mái lợp tôn lạnh, nền ván).

- 15 (Mười lăm) chỉ vàng 24K.

- 05 (Năm) chỉ vàng 18K.

- 01 (Một) xe gắn máy Honda hiệu Airblack màu xám.

- 01 (Một) võ lãi Compucix và máy hiệu Honda 13W.

- 01 (Một) tivi 31 inch.

- 01 (Một) máy lạnh hiệu Toshiba 1HP.

- 01 (Một) tủ lạnh hiệu Sanaki.

- 01 (Một) máy lọc nước.

- 01 (Một) bộ salon gỗ.

Anh Hà Minh Đ phải thanh toán và giao cho chị Nguyễn Hồng C số tiền 375.228.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm triệu hai trăm hai mươi tám nghìn đồng); 15 (Mười lăm) chỉ vàng 24K; 05 (Năm) chỉ vàng 18K.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập về tín dụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị P.

Buộc chị Nguyễn Hồng C trả cho bà Huỳnh Thị P 2,5 chỉ vàng 24K. Buộc anh Hà Minh Đ trả cho bà Huỳnh Thị P 2,5 chỉ vàng 24K.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sing theo mức lãi suất quá hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Chi phí tố tụng:

- Chị Nguyễn Hồng C phải tự chịu số tiền 7.862.500 đồng (Bảy triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng). Chị C đã dự nộp và thực hiện xong.

- Buộc anh Hà Minh Đ phải hoàn trả cho chị Nguyễn Hồng C số tiền 7.862.500 đồng (Bảy triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng).

5. Án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc Chị Nguyễn Hồng C phải chịu án phí số tiền 23.810.000 đồng (Hai mươi ba triệu tám trăm mười nghìn đồng). Ngày 19/4/2023 chị C đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 10.350.000 đồng (Mười triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006584 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, được đối trừ chuyển thu 10.350.000 đồng (Mười triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng); chị C còn phải nộp tiếp số tiền 13.460.000 đồng (Mười ba triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng).

- Buộc anh Hà Minh Đ phải chịu án phí số tiền 23.810.000 đồng (Hai mươi ba triệu tám trăm mười nghìn đồng), chưa nộp.

- Buộc bà Huỳnh Thị P không phải chịu án phí, đã được miễn dự nộp theo quy định.

- Buộc hoàn trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 4.496.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai số 0004870 ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau.

Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Hà Minh Đ phải chịu 300.000 đồng, ngày 02 tháng 01 năm 2024, anh Đ đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai số 0004339 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được chuyển thu.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

Đinh Cẩm Đào